

ĐỀ XUẤT MỘT SỐ HOẠT ĐỘNG GIÚP HỌC SINH HIỂU RÕ KHÁI NIỆM HÀNG CHỤC VÀ ĐƠN VỊ TRONG DẠY HỌC TOÁN 1

• ThS. Phan Thị Hiệp^(*)

Tóm tắt

Khi học sinh tập đếm, các em thường đếm các số một cách liên tục. Với cách đếm đơn giản đó, học sinh không thể nắm vững cấu trúc của hệ thống số và làm thế nào để xây dựng các nhóm chục, nhóm trăm, ... Điều này làm cho học sinh khó khăn với những bài toán so sánh hai số tự nhiên, sắp xếp dãy số và thực hiện các phép toán số học. Trong bài báo này, chúng tôi đề xuất 5 hoạt động cụ thể nhằm giúp học sinh hiểu rõ hơn khái niệm hàng chục và hàng đơn vị. Các hoạt động được xây dựng theo hướng tích cực hóa hoạt động nhận thức của học sinh.

Từ khóa: chục và đơn vị, toán 1, cấu tạo số.

1. Đặt vấn đề

Vị trí của mỗi chữ số trong một số đóng vai trò quan trọng trong số học, một trong những mạch kiến thức quan trọng trong chương trình toán học tiểu học. Mỗi chữ số trong một số có giá trị khác nhau, vị trí của mỗi chữ số trong một số có nhiều chữ số xác định giá trị của số đó. Việc hiểu rõ vị trí các chữ số trong một số giúp học sinh hình thành các số tự nhiên, dễ dàng so sánh các số tự nhiên có hai hay nhiều chữ số, hình thành các kỹ thuật cộng, trừ và nhân hai số có nhiều chữ số về sau... Tuy nhiên, việc nhận ra chúng là một khó khăn đối với học sinh lớp 1. Ngược lại, khi học sinh hiểu được giá trị của các chữ số khác nhau, phụ thuộc vào vị trí của chúng trong một số thì người học sẽ thực hiện những phép tính số học cơ bản với các số lớn dễ dàng hơn. Các nội dung này được thể hiện rõ trong chương trình toán tiểu học. Trong đó, khái niệm các hàng là nền tảng đầu tiên để xây dựng các lớp và dạy các nội dung nêu trên. Trong bài báo này, chúng tôi đề xuất một số hoạt động dạy và học nhằm giúp học sinh nắm vững về cấu tạo số và phân tích số trong phạm vi toán lớp 1. Cụ thể, bài báo đề cập đến 5 hoạt động sau:

- Phát triển khả năng đếm bởi đơn vị (đếm thêm 1) và đếm bởi chục (đếm thêm 10);
- Dùng sơ đồ cấu tạo phân tích số để viết, gọi tên số có hai chữ số;
- Biểu diễn những số có hai chữ số như là sự kết hợp giữa chục và đơn vị hay tất cả đơn vị;

- Viết và biểu diễn các số có hai chữ số thành tổng của chục và đơn vị;

- Thành lập hai số hơn kém nhau một đơn vị và một chục.

2. Nội dung bài học “Khái niệm hàng chục và đơn vị trong sách giáo khoa Toán 1”

2.1. Khái niệm hàng chục và đơn vị trong sách giáo khoa Toán 1

Ở lớp 1, học sinh được hình thành khái niệm, thứ tự các số tự nhiên thông qua phép đếm và được chia thành 2 giai đoạn. Giai đoạn thứ nhất học về các số trong phạm vi 10. Các số này được hình thành theo nguyên tắc “đếm thêm 1”. Trong hệ thập phân, người ta dùng 10 chữ số 0, 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9 để đánh dấu 10 số tự nhiên đầu tiên và dạy bắt đầu từ số 1. Số 0 được hình thành trên quan điểm là đặc trưng của các tập hợp rỗng, dạy sau bài số 9. Số 10 phải dùng 2 chữ số 1 và 0 để viết. Giai đoạn thứ hai học về các số lớn hơn 10 trong phạm vi 100, trong trường hợp có nhiều đồ vật, người ta không chỉ đếm từng vật riêng lẻ mà còn gộp các đồ vật lại thành từng chục (mười) để đếm, “*chục là một đơn vị mới, gồm mười đơn vị thường*”, chục là “*đơn vị*” bậc cao hơn “*đơn vị thường*”. Việc hình thành khái niệm “chục” gồm các bước:

- Bước 1: Lập nhóm và chuyển đổi nhóm: 10 vật riêng lẻ làm “nhóm bậc 1” hay nhóm “*chục*”.
- Bước 2: Lập sơ đồ cấu tạo số.
- Bước 3: Đọc số và ghi số bằng chữ số.
- Bước 4: Luyện tập về cấu tạo số và phân tích số.

Để ghi số người ta cũng dùng 10 chữ số như giai đoạn 1, thay kí hiệu “*bậc của các nhóm bằng*

^(*) Khoa Giáo dục Tiểu học - Mầm non, Trường Đại học Đồng Tháp.

thứ tự sắp xếp các chữ số trong biểu thức ghi số” với qui ước “theo thứ tự lớn dần từ phải sang trái theo hàng ngang, các nhóm kế tiếp nhau hơn kém nhau 10 lần”, vị trí các nhóm gọi là *hàng* (kèm theo tên nhóm tương ứng), tức là vị trí chữ số đầu tiên ứng *hàng đơn vị*, vị trí chữ số thứ hai là *hàng chục*.

2.2. Một số yêu cầu học sinh cần đạt được khi học khái niệm hàng chục và đơn vị trong sách giáo khoa Toán 1

- Đọc, đếm và viết số trong phạm vi 100, phân biệt khái niệm số và chữ số.
- Biểu diễn được số lượng của các đối tượng trong thực tế bằng con số.
- Biết so sánh hai số tự nhiên nhỏ hơn 100, nhận biết được vị trí của chúng trên trục số.
- Nhận biết hàng chục, hàng đơn vị, cấu tạo thập phân của một số có hai chữ số, biết lập sơ đồ phân tích số trong phạm vi 100.
- Thực hiện được các phép cộng và phép trừ không nhớ theo thuật tính nhẩm và viết các phép tính trong phạm vi 100 dựa trên phân tích số và sơ đồ phân tích số.

3. Các hoạt động (HD) dạy học

HD 1: Phát triển khả năng đếm bởi đơn vị và đếm bởi chục

+ HD 1: Ôn tập cho học sinh phân tích các số từ 5 đến 9 thành tổng của hai số. Ví dụ phân tích số $5 = 2 + 3 = 1 + 4$ hay $5 = 3 + 2 = 4 + 1$.

+ HD 2: Bài toán: Lan cầm 5 viên bi tay trái và 1 viên bi tay phải. Hỏi Lan có tất cả bao nhiêu viên bi?

Sau học sinh trả lời 6 viên bi, giáo viên hướng dẫn học sinh thay đổi giả thuyết số viên bi ở tay phải lần lượt là 2, 3,..., 10. Sau đó, giáo viên đặt vấn đề có những cách đếm thêm nào? Đếm thêm 1, đếm thêm 2, đếm thêm 5, đếm thêm 10 như thế nào? Cách nào nhanh hơn?

+ HD 3: Giáo viên trang bị cho mỗi học sinh có hai cái túi đựng 40 khối vuông (20 khối một màu) và yêu cầu tất cả học sinh ngồi tại bàn kết nối các khối vuông với nhau. Cho biết có bao nhiêu khối trong cái túi? Có bao nhiêu cách đếm các khối vuông?

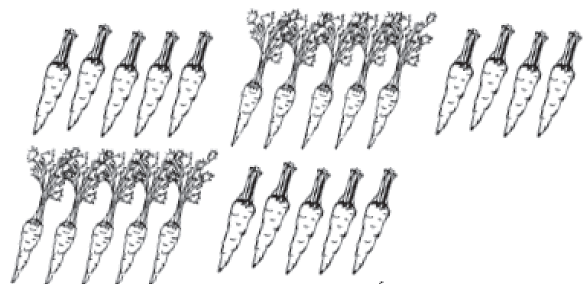
Tiếp theo, giáo viên giới thiệu 4 bó que tính (10 que mỗi bó) và định hướng học sinh có thể đếm bởi 10. Vậy tương tự, ta có thể đếm bởi 10 cho các khối vuông ở trên. Giáo viên khẳng định

kết quả này giống với kết quả đếm theo từng đơn vị (1, 2, 3, 4,..., 40) nhưng rõ ràng nó nhanh hơn.

+ HD 4: Giáo viên yêu cầu mỗi học sinh lấy ra 10 que tính (1 bó) và 2 khối vuông. Hỏi học sinh cho biết kết quả có tất cả bao nhiêu đồ vật? (học sinh nêu 12 và không cần đếm). Giáo viên tổng kết 12 gồm 10 và 2 hay 1 chục và 2 đơn vị.

+ HD 5: giáo viên cho học sinh một số tương ứng số đồ vật có số lượng lớn hơn 10 và yêu cầu học sinh tách chúng ra thành các nhóm trong đó có 1 nhóm 10. Ví dụ: 35 đếm là 10, 20, 30, 31, 32, 33, 34, 35 hay 10, 20, 30, 35.

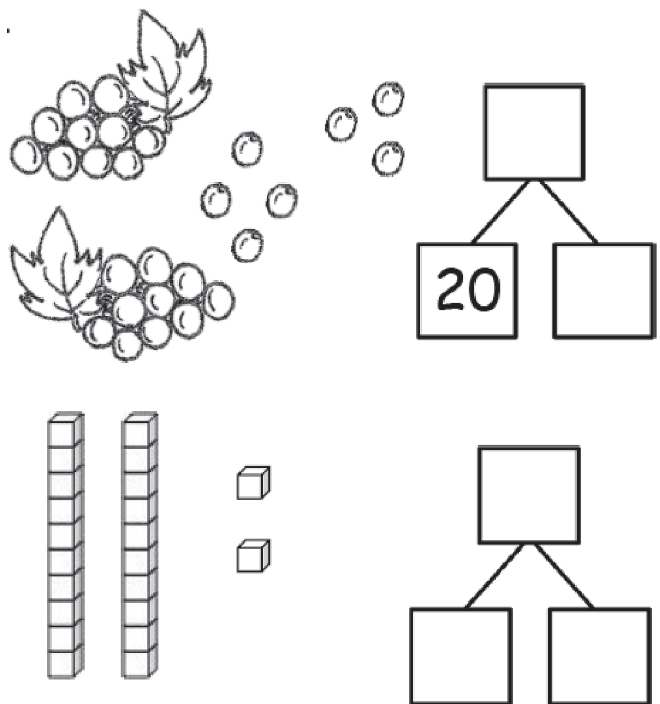
+ HD 6: Yêu cầu học sinh khoanh tròn nhóm có số lượng 10 củ cà rốt ở Hình 1 và ghi số củ cà rốt vào chỗ trống.



Có..... củ cà rốt

Hình 1

+ HD 7: Sự kết hợp một số tạo bởi chục và đơn vị Hình 2.



Hình 2

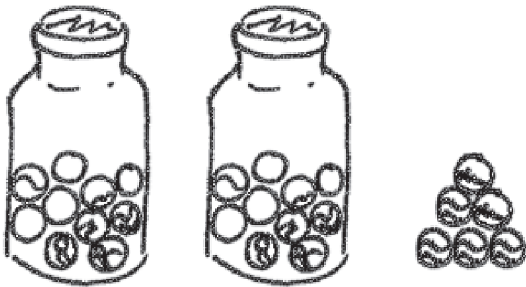
HD 2: Sử dụng sơ đồ cấu tạo và phân tích số để ghi số và gọi tên số có hai chữ số

+ HD 1: Giáo viên đặt ra vấn đề “Số 17 gồm bao nhiêu chục và bao nhiêu đơn vị?”. Sau khi học sinh trả lời 1 chục và 7 đơn vị, giáo viên hướng dẫn viết số 1 (đại diện cho 10) vào cột bên trái và số 7 (đại diện cho đơn vị) vào cột bên phải trong sơ đồ phân tích sau:

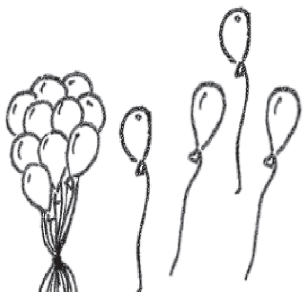
Chục	Đơn vị
1	7

+ HD 2: Giáo viên cho học sinh thực hiện yêu cầu sau để củng cố (Hình 3).

- Viết số chục và đơn vị có trong các số.

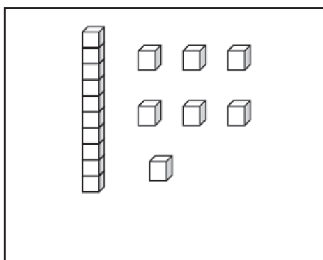


26 = chục và..... đơn vị

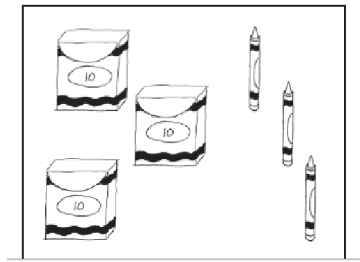


có.....bong bóng

- Nối hình tương ứng.



Chục	Đơn vị
3	3



Chục	Đơn vị
1	7

Hình 3

HD 3: Biểu diễn số có hai chữ số số gồm hàng chục và đơn vị hay số gồm toàn đơn vị

+ HD 1: Ôn tập lại cấu tạo số và đặt vấn đề số gồm toàn đơn vị.

- Cho biết cấu tạo các số 34 và 43 và viết chúng vào sơ đồ phân tích sau:

Chục	Đơn vị

Chục	Đơn vị

- Giáo viên đặt câu hỏi gợi mở về mối liên hệ của vấn đề: Số 34 gồm mấy chục và mấy đơn vị? Có bao nhiêu đơn vị trong 3 chục và 4 đơn vị? Học sinh trả lời 34 đơn vị.

- Giáo viên làm rõ một số có thể được phân tích theo cấu tạo thập phân hay thông thường (các đơn vị).

- Giáo viên cho học sinh tự tìm hiểu các trường hợp số có 2 chữ số tương tự khác và tự rút ra nhận xét.

+ HD 2: Giáo viên cho học sinh thực hiện các bài toán sau (Hình 4).

- Viết các số và hoàn thành câu sau.



... chục ... đơn vị là giống với đơn vị.

- Nối các hình tương ứng:

3 chục 2 đơn vị	17 đơn vị				
3 chục 7 đơn vị	32 đơn vị				
<table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <tr> <td style="width: 50%; padding: 5px;">Chục</td> <td style="width: 50%; padding: 5px;">Đơn vị</td> </tr> <tr> <td style="text-align: center; padding: 5px;">1</td> <td style="text-align: center; padding: 5px;">7</td> </tr> </table>	Chục	Đơn vị	1	7	40 đơn vị
Chục	Đơn vị				
1	7				
4 chục	37 đơn vị				

- Điền vào chỗ trống:

15	➔	<table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <tr> <td style="width: 50%; padding: 5px;">Chục</td> <td style="width: 50%; padding: 5px;">Đơn vị</td> </tr> <tr> <td style="height: 30px;"></td> <td style="height: 30px;"></td> </tr> </table>	Chục	Đơn vị			➔ đơn vị
Chục	Đơn vị							
	➔	<table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <tr> <td style="width: 50%; padding: 5px;">Chục</td> <td style="width: 50%; padding: 5px;">Đơn vị</td> </tr> <tr> <td style="height: 30px;"></td> <td style="height: 30px;"></td> </tr> </table>	Chục	Đơn vị			➔	35 đơn vị
Chục	Đơn vị							

Hình 4

HD 4: Viết số có hai chữ số thành biểu thức phân tích - tổng hợp của số tròn chục và đơn vị

+ HD 1: Cộng số có một chữ số với 10

- Giáo viên đặt ra câu hỏi: Số nào nhiều hơn số 5 mười đơn vị? Học sinh trả lời 1 chục 5 đơn vị hay mười lăm đơn vị.

- Giáo viên giới thiệu: khi đó ta có $5 + 10 = 15$ (bắt đầu với 5) hay

$10 + 5 = 15$ (bắt đầu với 10).

- Giáo viên cho học sinh làm tương tự các số trong phạm vi 10.

+ HD 2: Cho học sinh làm bài toán: *Linh có 3 chiếc hộp, mỗi hộp đựng 10 bút chì màu và 5 cây bút chì màu lẻ. Loan có 19 cây bút chì màu, cô ấy bảo rằng mình có nhiều bút chì màu hơn Linh. Linh không đồng ý. Hỏi bạn nào đúng?*

Trong bài toán, 2 học sinh sẽ biểu diễn số có hai chữ số theo hàng chục và đơn vị để so sánh số lượng bút chì màu. Để biết ai có nhiều bút chì hơn, ta cần so sánh số hàng chục của bút chì của hai bạn trước. Tuy nhiên, vấn đề có thể gây nhầm lẫn cho học sinh là tại sao Loan có nhiều đơn vị hơn Linh nhưng kết quả cuối cùng lại ít hơn. Bởi

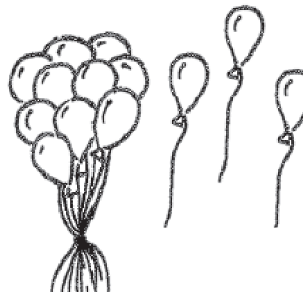
vì Linh có số chục lớn hơn Loan nên cô sẽ có số bút chì nhiều hơn Loan.

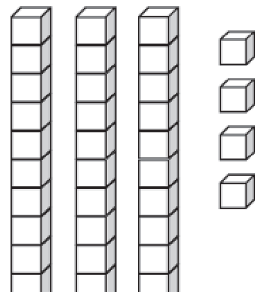
+ HD 3: Giáo viên cho học sinh luyện tập qua các bài tập (Hình 5).

Bài tập 1. *Viết theo mẫu.*

- | | |
|-----------------------|-----------------------|
| $35 = 30 + 5;$ | $27 = \dots + \dots;$ |
| $45 = \dots + \dots;$ | $47 = \dots + \dots;$ |
| $95 = \dots + \dots;$ | $87 = \dots + \dots;$ |
| $19 = \dots + \dots;$ | $88 = \dots + \dots;$ |
| $79 = \dots + \dots;$ | $98 = \dots + \dots;$ |
| $99 = \dots + \dots;$ | $28 = \dots + \dots;$ |

Bài tập 2. *Điền số vào các ô vuông và chỗ trống.*

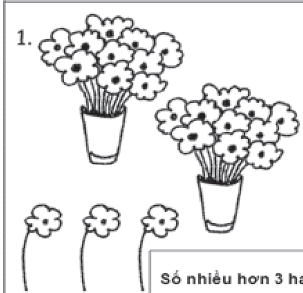
	<table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <tr> <td style="width: 50%; padding: 5px;">Chục</td> <td style="width: 50%; padding: 5px;">Đơn vị</td> </tr> <tr> <td style="height: 30px;"></td> <td style="height: 30px;"></td> </tr> </table>	Chục	Đơn vị		
Chục	Đơn vị				

	<table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <tr> <td style="width: 50%; padding: 5px;">Chục</td> <td style="width: 50%; padding: 5px;">Đơn vị</td> </tr> <tr> <td style="height: 30px;"></td> <td style="height: 30px;"></td> </tr> </table>	Chục	Đơn vị		
Chục	Đơn vị				

$10 + \dots = 13$

$\dots + 4 =$

Bài tập 3. *Điền số vào các ô vuông và chỗ trống*

<p>1. </p>	<table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <tr> <td style="width: 50%; height: 30px;"></td> <td style="width: 50%; height: 30px;"></td> </tr> <tr> <td style="width: 50%; height: 30px;"></td> <td style="width: 50%; height: 30px;"></td> </tr> </table> <p>$3 + 20 = \underline{\hspace{2cm}}$</p> <p>Số nhiều hơn 3 hai mươi đơn vị là <u> </u>.</p>				

Hình 5

HD 5: Thành lập hai số hơn kém nhau 1 đơn vị và 1 chục

- + HD 1: Hai số hơn nhau một đơn vị.
- Giáo viên: Số 15 gồm mấy chục và mấy đơn vị?
- Học sinh: 1 chục và 5 đơn vị.
- Giáo viên: Số lớn hơn số 15 một đơn vị là số mấy?
- Học sinh: Số 16.
- Giáo viên: Phát biểu thành câu?
- Học sinh: Số 16 nhiều hơn số 15 một đơn vị.
- Giáo viên: Hãy quan sát Sơ đồ 6 và cho biết cái gì đã thay đổi và cái gì không thay đổi?

+	Chục	Đơn vị
	1	5
		1
	1	6

Sơ đồ 6

- Học sinh: kết quả hàng chục không thay đổi, chỉ thay đổi kết quả hàng đơn vị.
 - Giáo viên: Một đơn vị đã thay đổi từ 5 lên 6 đơn vị và ta chỉ cộng vào cột đơn vị.
- Từ đó, giáo viên hình thành cho học sinh qui tắc cộng không nhớ giữa số có 2 chữ số với số có 1 chữ số.

+ HD 2: Tương tự cho ít hơn 1 đơn vị. Từ đó, giáo viên hình thành nên phép trừ không mượn chục số có 2 chữ số với số có 1 chữ số.

+ HD 3: **Bài tập.** *Viết số thích hợp vào ô trống rồi đọc các số đó (Hình 7).*

24		26				30					36
35			38				42				46
		40					45				50

Hình 7

- + HD 4: Nhiều hơn 10 (ít hơn 10)
- Giáo viên cho học sinh giải bài toán: An có 4 cây bút chì màu, An mua thêm 10 cây bút chì màu; Bình có 17 cây bút chì màu nhưng đánh mất 10 cây bút chì màu. Hỏi bạn nào có số cây bút chì màu nhiều hơn?*
- + HD 5: Hình thành qui tắc cộng (hàng chục) dựa theo sơ đồ phân tích.

- Giáo viên: Yêu cầu học sinh viết số 15 vào bảng sơ đồ phân tích.
- Học sinh: viết số vào sơ đồ.
- Giáo viên: Số nhiều hơn số 15 mười đơn vị là số mấy?
- Học sinh: Số 25.
- Giáo viên: Hãy quan sát sơ đồ phân tích số (Sơ đồ 8) và cho biết sự thay đổi?

+	Chục	Đơn vị
	1	5
	1	0
	2	5

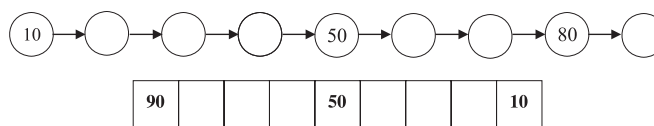
Sơ đồ 8

- Học sinh: Cột hàng chục đã thay đổi từ 1 chục lên 2 chục, còn hàng đơn vị giữ nguyên.
- Giáo viên: Hướng dẫn học sinh rút ra qui tắc cộng thêm 10.
- + HD 6: Tương tự, chúng ta hình thành qui tắc trừ đi 10.
- + HD 7: Thực hành giải các bài tập sau.

Bài tập 1. Thực hiện các phép tính.

12	25	45	35
+ 10	+ 10	- 10	- 20

Bài tập 2. Điền số thích hợp vào ô trống.



Hình 9

Bài tập 3. Điền dấu >, <, = thích hợp vào ...

20 ... 10	40 ... 80	90 ... 60
30 ... 40	80 ... 40	60 ... 90
50 ... 70	40 ... 40	90 ... 90

Bài tập 4. (Hình 10)

a) Khoanh vào số bé nhất : 70 , 40 , 20 , 50 , 30

b) Khoanh vào số lớn nhất : 10 , 80 , 60 , 90 , 70.

a) Viết số theo thứ tự từ **bé đến lớn** :

b) Viết số theo thứ tự từ **lớn đến bé** :

Hình 10**Bài tập 5. Viết theo mẫu.****Mẫu:** Số liền sau của 80 là 81.

- a) Số liền sau của 23 là
- b) Số liền sau của 84 là
- c) Số trước của 23 là
- d) Số trước của 92 là
- e) Số liền sau của 65 là
- f) Số liền sau của 79 là

g) Số trước của 32 là

h) Số trước của 60 là

Mẫu: 87 gồm 8 chục và 7 đơn vị; ta viết: $87 = 80 + 7$.

a) 59 gồm ... chục và ... đơn vị; ta viết: $59 = \dots + \dots$ b) 20 gồm ... chục và ... đơn vị; ta viết: $20 = \dots + \dots$ c) 49 gồm ... chục và ... đơn vị; ta viết: $49 = \dots + \dots$ **4. Kết Luận**

Tóm lại, việc nắm vững vị trí các chữ số trong một số là hết sức cần thiết, nó giúp học sinh có cái nhìn chung về các số tự nhiên, từ đó giúp các em nắm, hiểu và vận dụng các kiến thức số học tốt hơn. Trong bài báo này, chúng tôi đã trình bày các hoạt động dạy học xoay quanh khái niệm hàng chục và đơn vị để giúp các em học sinh nắm vững và vận dụng chúng vào các mạch kiến thức toán khác tốt hơn. Tuy nhiên để đạt được hiệu quả cao trong việc học thì người dạy và người học cần vận dụng một cách sáng tạo, linh hoạt các nội dung trên dựa vào đặc điểm tình hình, trình độ học sinh lớp đang dạy, tránh rập khuôn./.

Tài liệu tham khảo

- [1]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2007), *Phương pháp dạy học các môn học ở Tiểu học*, NXB Giáo dục.
- [2]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2001), *Toán 1*, NXB Giáo dục.
- [3]. Vũ Quốc Chung, Đỗ Trung Hiệu, Hà Sĩ Hồ, Đỗ Đình Hoan (1992), *Phương pháp dạy học môn Toán ở Tiểu học*, Vụ Giáo viên.
- [4]. Đỗ Trung Hiệu, Đỗ Đình Hoan, Vũ Dương Thụy, Vũ Quốc Chung (2001), *Phương pháp dạy học Toán ở Tiểu học* (giáo trình Đại học từ xa), NXB Giáo dục.
- [5]. Nguyễn Bá Kim (2011), *Phương pháp dạy học môn Toán*, NXB ĐHSP Hà Nội.

SOME SUGGESTED ACTIVITIES TO HELP PUPILS UNDERSTAND TENS AND ONES IN TEACHING AND LEARNING FIRST GRADE MATHEMATICS

Summary

Basically, children learn numbers as a kind of continuum when they practice counting. With such a simple way, it is impossible for children to master the inherent structure of number system as well as to build groups of tens, hundreds, thousands, etc.... As the results, it is certain that comparing two numbers, sorting array of natural numbers and implementing numeric operations are very hard work to them. In this paper, 5 specific activities based on activating pupils' cognitive learning are introduced with the aim of providing pupils better understanding of the tens and ones in learning first grade mathematics.

Keywords: tens and ones, first grade mathematics, structure of number system.